

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/ST-HC
Ngày 30 tháng 01 năm 2019
"V/v yêu cầu hủy công văn chứa nội dung
quyết định hành chính"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Dung
2. Ông Trần Quảng Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN, xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 02/2018/TLST-HC, ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc yêu cầu hủy Công văn chứa nội dung quyết định hành chính theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1957, địa chỉ số nhà 20, tổ 13, phường Q.Tr, thành phố TN, tỉnh TN. (Có mặt)

Người bị kiện: UBND phường Q.Tr, thành phố TN, tỉnh TN.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Hồng H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q.Tr, thành phố TN

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1974, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q.Tr, thành phố TN, tỉnh TN, theo văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 7 năm 2018. (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1949, địa chỉ tổ 13, phường Q.Tr, thành phố TN. Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1957, địa chỉ số nhà 20, tổ 13, phường Q.Tr, thành phố TN, theo giấy ủy quyền ngày 21/01/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Th trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa:*

Năm 1991 bà Th mua đất của ông Lê Đình S, khi đó hai bên có bàn giao cho nhau toàn bộ đất, ông S có nói rõ có hai đường đi, một đường ra Lương Thế V, một

đường đi ra ngõ 166 đường Lương Ngọc Q. Sau đó bà Th sử dụng ổn định và đi cả hai con đường, đến năm 1997 do an ninh không đảm bảo bà Th xây tường bao quanh và không đi ra ngõ 166 nữa.

Ngày 18/5/2011 gia đình bà Th có nhu cầu đi đường ra ngõ 166 và làm hệ thống nước thải ra ngõ 166 thì gia đình bà M không cho đi, với lý do là ngõ đã được gia đình bà M mua của bà Chế năm 1984. Sau nhiều lần trao đổi thì gia đình bà M không đồng ý nên bà Th đã làm đơn gửi phường Q.Tr, thành phố TN đề nghị Ủy ban phường Q.Tr giải quyết xin mở cổng đi và làm hệ thống thoát nước thải ra ngõ 166 đường Lương Ngọc Q hiện hộ bà Tường Thị M, ông Nguyễn Văn T1 đang chiếm dụng lấp cổng sắt làm đường đi riêng.

Ngày 03/10/2011 Ủy ban nhân dân phường Q.Tr, thành phố TN có Thông báo số 50/TB –UBND về việc kết luận phần đất bà M lấp cổng sắt không nằm trong phần đất của bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà xác định đây là ngõ đi chung cho các hộ gia đình trong ngõ, việc nhà bà M lấp cổng sắt trên lối đi chung là vi phạm trật tự đô thị, sử dụng sai mục đích, đề nghị hộ gia đình bà M di dời phần cổng sắt vào phần ranh giới đất của mình.

Quá trình giải quyết gia đình bà M không nhất trí cho gia đình bà Th mở cổng ra ngõ 166 đường Lương Ngọc Q nên gia đình bà Th tiếp tục yêu cầu Ủy ban phường Q.Tr giải quyết. Ngày 09/11/2017 Ủy ban nhân dân phường Q.Tr có Công văn số 359/UBND-ĐC về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị Th, với kết luận chưa đủ cơ sở để khẳng định là đường đi chung, việc bà Th đề nghị mở cổng ra lối đi ngõ 166 đường Lương Ngọc Q là chưa đủ căn cứ.

Từ công văn trên, bà Th cho rằng trong suốt thời gian từ năm 2011 đến tháng 11/2017 Ủy ban nhân dân phường Q.Tr không giải quyết dứt điểm làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình, bà Th đã khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố TN: Hủy công văn số 359/UBND-ĐC ngày 09/11/2017 của UBND phường Q.Tr, thành phố TN, và yêu cầu ông T1, bà M di dời cổng sắt đúng ranh giới đất của mình trả lại diện tích 56,7m² đất là đường đi chung.

**Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện bà Lê Thị Hồng L – Phó chủ tịch UBND phường Q.Tr, thành phố TN, tỉnh TN trình bày tại bản bản tự khai và tại phiên tòa:*

Căn cứ ban hành Công văn 359/UBND-ĐC ngày 09/11/2017 của UBND phường Q.Tr thành phố TN, trên cơ sở Pháp luật đất đai, các Nghị định hướng dẫn thi hành (Điều 11 Luật đất đai 2013; Điều 21,24 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính Phủ; Hướng dẫn của Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố tại văn bản số 939/CV-TNMT ngày 17/9/2013; Công văn số 2680/STNMT -TTr, ngày 17/10/2017 của Sở Tài Nguyên môi trường yêu cầu Ủy ban phường tiếp tục giải quyết yêu cầu của bà Th) Ủy ban nhân dân phường đã tiến hành kiểm tra xác minh tại khu dân cư đối với diện tích 56,7m² đất mà bà Nguyễn Thị Th đề nghị mở cổng để đi ra ngõ 166 đường Lương Ngọc Q. Qua biên bản làm việc ngày 26/10/2017 giữa Ủy ban nhân dân phường và các hộ gia đình tại tổ dân phố 13; một số biên bản làm việc như ngày 10/8/2011; Biên bản làm việc ngày 26/4/2012 và một số ý kiến của đại diện các hộ dân tại tổ 13,

phường Q.Tr. Qua kiểm tra xác minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với diện tích 56,7m² đất thì chưa đủ cơ sở, tài liệu để khẳng định đó là đường dân sinh nên việc bà Nguyễn Thị Th đề nghị mở cổng ra lối đi ngõ 166 đường Lương Ngọc Q là chưa đủ căn cứ, đồng thời Ủy ban nhân dân phường đã gửi Công văn này báo cáo Sở tài nguyên và môi trường, Phòng tài nguyên môi trường, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc phường và thông báo cho những người L quan biết về việc giải quyết đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị Th.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ph trình bày tại bản tự khai:*

Ngày 18/5/2011 ông Ph gửi đơn đề nghị Ủy ban nhân dân phường Q.Tr giải quyết cho tôi mở cổng và hệ thống nước thải sinh hoạt ra ngõ 166 đường Lương Ngọc Q, đi qua diện tích 56,7m² đất do hộ bà Tường Thị M quản lý và không cho ông, bà đi. Quá trình giải quyết Ủy ban phường Q.Tr đã có Thông báo số 50/TB ngày 03/10/2011 xác định phần đất bà M lắp cổng sắt không nằm trong phần đất của bà M. Bà M không đồng ý; ông Ph đã làm đơn gửi UBND thành phố TN đề nghị giải quyết. Ủy ban nhân dân thành phố TN có 02 văn bản (báo cáo số 24, ngày 21/10/2011; Báo cáo số 700 ngày 12/7/2012) với kết luận hộ bà M đã lấn chiếm phần đường dân sinh, lắp đặt cổng sắt sử dụng riêng. Trong suốt quá trình giải quyết Ủy ban nhân dân phường Q.Tr không giải quyết dứt điểm ông Ph đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Th là vợ tham gia tố tụng giải quyết vụ án đến khi kết thúc vụ việc.

Nay Ủy ban nhân dân phường không giải quyết vụ việc ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình, nên bà Th đề nghị Tòa án hủy Công văn số 359/UBND-ĐC ngày 09/11/2017 của UBND phường Q.Tr, thành phố TN, ông đồng ý nội dung khởi kiện của bà Th.

Trong phần tranh luận người khởi kiện giữ nguyên quan điểm khởi kiện, người bị kiện vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo. Quan điểm giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Th về “khởi kiện Công văn chứa nội dung quyết định hành chính”. Hủy Công văn số 359/UBND-ĐC ngày 09/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường Q.Tr, thành phố TN; kiến nghị Ủy ban nhân dân phường Q.Tr tiếp tục giải quyết vụ việc theo quy định; bà Nguyễn Thị Th liên hệ Ủy ban nhân dân phường Q.Tr thành phố TN để giải quyết

Đối với nội dung yêu cầu ông T1, bà M di dời cổng sắt đúng ranh giới đất của mình trả lại diện tích 56,7m² đất là đường đi chung. Tại phiên tòa ngày 21/01/2019 bà Th rút yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào quá trình thẩm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ,

ý kiến của những người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của người bị kiện, vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 55; khoản 1 Điều 58 Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về đối tượng, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Bà Th khởi kiện cho rằng ngày 18/5/2011 gia đình bà làm đơn gửi phường Ủy ban nhân dân Q.Tr, thành phố TN xin mở cổng đi qua diện tích 56,7m² đường dân sinh ra ngõ 166 đường Lương Ngọc Q hiện hộ bà Trương Thị M, ông Nguyễn Văn T1 đang chiếm dụng lấp cổng sắt làm đường đi riêng. Sau khi làm đơn đến chính quyền địa phương và Ủy ban nhân dân phường Q.Tr, ngày 09/11/2017 Ủy ban nhân dân phường Q.Tr có Công văn số 359/UBND-ĐC về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị Th, với nội dung chưa đủ cơ sở để khẳng định là đường đi chung nên việc bà Th đề nghị mở cổng ra lối đi, ngõ 166 đường Lương Ngọc Q là chưa đủ căn cứ. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của gia đình bà Th khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố TN: Hủy công văn số 359/UBND-ĐC ngày 09/11/2017 của UBND phường Q.Tr, thành phố TN vì đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích, hợp pháp của bà và gia đình.

Căn cứ các Điều 30, 31 của Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Xác định đối tượng khởi kiện là Công văn số 359/UBND-ĐC ngày 09/11/2017 chứa nội dung quyết định hành chính trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 của Luật tố tụng hành chính và T1ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét Về hình thức và nội dung của Công văn: Đây là công văn trả lời đơn của Ủy ban nhân dân phường Q.Tr, thành phố TN có đầy đủ nội dung của một Quyết định hành chính như: Về xem xét hồ sơ; nhận xét toàn bộ tài liệu liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất của hai hộ gia đình bà Trương Thị M, bà Nguyễn Thị Th; xác minh làm rõ diện tích đất 56,7m² và trả lời chưa đủ cơ sở. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử xác định đây là công văn chứa nội dung quyết định hành chính.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện; đối chiếu với tài liệu chứng cứ đã T1 thập thể hiện:

4.1. Bà Th nộp bản đồ địa chính đã được chỉnh lý và toàn bộ tài liệu, chứng cứ như: Công văn số 847/UBND-VP ngày 14/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố TN về việc giao nhiệm vụ giải quyết đơn của công dân; Công văn số 59/QLĐT ngày 22/11/2011 gửi Ủy ban nhân dân phường Q.Tr về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn Ph; Báo cáo số 24/BC-QLĐT ngày 21/10/2011 của Phòng Quản lý đô thị, thành phố TN về việc kết quả kiểm tra, tham mưu giải quyết đơn của ông

Nguyễn Văn Ph; Báo cáo số 700/BC-TNMT ngày 12/7/2012 của Phòng tài nguyên môi trường thành phố TN về kết quả thẩm tra nội dung đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn Ph; Công văn số 1441/UBND-TNMT ngày 30/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố TN về việc giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân phường Q.Tr giải quyết đơn của công dân; Công văn số 527/STNMT-TTr ngày 16/3/2017 của Sở tài nguyên môi trường tỉnh TN về việc phúc đáp công văn số 62/UBND ngày 07/03/2017 của Ủy ban nhân dân phường Q.Tr; Công văn số 1449/STNMT-TTr ngày 19/6/2017 của Sở tài nguyên môi trường tỉnh TN về việc trả lời đề nghị của ông Nguyễn Văn Ph; Thông báo số 35/TB-UBND ngày 02/8/2017 của Ủy ban nhân dân phường Q.Tr về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị Th... toàn bộ chứng cứ nêu trên thể hiện nội dung “xác định 56,7 m² đi ra ngõ 166 đường Lương Ngọc Q mà gia đình bà M đang sử dụng vượt quá diện tích bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần diện tích này được xác định là đường dân sinh (giao thông) do Ủy ban nhân dân phường Q.Tr quản lý, việc bà M tự ý lắp cổng sắt vượt ra khỏi ranh giới đất được quyền sử dụng hợp pháp của mình là hành vi lấn, chiếm trái phép, làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của các hộ dân L quan. Đề nghị Ủy ban nhân dân phường Q.Tr chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan của Ủy ban nhân dân thành phố TN, tổ chức giải tỏa tháo dỡ cánh cổng sắt lắp đặt trái phép của bà M theo quy định”.

4.2. Đối với tài liệu chứng cứ và ý kiến của Ủy ban nhân dân phường Q.Tr cho rằng hiện tại phường Q.Tr đang cần phải làm rõ chủ quản lý sử dụng đất, nguồn gốc và quá trình quản lý sử dụng cụ thể và Công văn số 2680/STNMT – TTr, ngày 17/10/2017 thì Sở Tài Nguyên môi trường vẫn yêu cầu Ủy ban phường tiếp tục giải quyết yêu cầu của bà Th. Tại phiên đối thoại ngày 21/8/2018 phía đại diện ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường Q.Tr có ý kiến “Phường vẫn tiếp tục giải quyết yêu cầu của bà Th đề nghị Tòa án đề phường tiến hành giải quyết dứt điểm vụ việc thời hạn là hai tháng”. Hết thời hạn hai tháng Ủy ban nhân dân phường Q.Tr chưa có kết quả giải quyết dứt điểm vụ việc. Tại phiên tòa ngày 16/01/2019 phía đại diện ủy quyền của người bị kiện cho rằng Ủy ban phường Q.Tr có Báo cáo số 75/BC-UBND ngày 15/9/2017 về việc đề nghị Sở tài nguyên môi trường sớm có kết quả giải quyết đơn của công dân và Công văn số 319a/UBND-ĐC ngày 27/10/2017 gửi Sở tài nguyên môi trường, Phòng tài nguyên môi trường và Phòng quản lý đô thị thành phố TN về kết quả xác minh nguồn gốc chủ sử dụng đất. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đề nghị được cung cấp cho Hội đồng xét xử. Đối với hai văn bản nêu trên Ủy ban nhân dân phường Q.Tr đã cung cấp cho Tòa án ngày 18/01/2019 thể hiện đề nghị xem xét lại kết quả xác minh nguồn gốc 56,7m² đất. Ngoài ra người đại diện theo ủy quyền thể hiện quan điểm Ủy ban nhân dân phường đã có Công văn số 62/UBND ngày 07/3/2017 gửi Sở tài nguyên môi trường và đã được Sở tài nguyên môi trường phúc đáp công văn số 527/STNMT-TTr ngày 16/3/2017. Hội đồng xét xử đã yêu cầu cung cấp công văn số 62/ UBND ngày 07/3/2017 nhưng đến phiên tòa hôm nay người bị kiện vẫn không cung cấp được. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện thể

hiện quan điểm Ủy ban phường Q.Tr đang đợi kết quả giải quyết đơn khiếu nại của sở tài nguyên môi trường đối với gia đình ông, bà M, T1. Tuy nhiên đến thời điểm phiên tòa xét xử Ủy ban phường Q.Tr chưa nắm bắt, thu thập tài liệu về việc giải quyết đơn của công dân. Đồng thời tại biên bản ghi ý kiến ngày 16/07/2018 của Ủy ban nhân dân phường đối với yêu cầu của người khởi kiện, tại phần kết của văn bản thể hiện “việc đề nghị của bà Nguyễn Thị Th đã được Ủy ban nhân dân phường Q.Tr giải quyết theo thẩm quyền tại Công văn số 359/UBND ngày 06/11/2017”.

Từ những nội dung nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Sau nhiều năm đề nghị mở lối đi ra ngõ 166 đường Lương Ngọc Q bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn Ph nhưng chưa được Ủy ban nhân dân phường Q.Tr giải quyết mặc dù đã có các văn bản của các cơ quan ban ngành liên quan trả lời. Ngày 09/11/2017 Ủy ban nhân dân phường Q.Tr có Công văn 359/UBND-ĐC về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị Th với nội dung: “Căn cứ và hồ sơ sử dụng của hai gia đình bà Nguyễn Thị Th, bà Tường Thị M; ý kiến của các chủ sử dụng đất trước đây; ý kiến của khu dân cư, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất đối với diện tích 56.7m² chưa đủ cơ sở để khẳng định là đường đi chung nên việc bà Th đề nghị mở cổng ra lối đi ngõ 166 đường Lương Ngọc Q là chưa đủ căn cứ”. Đối chiếu các tài liệu mà các bên đương sự cung cấp có trong hồ sơ và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định bà Th khởi kiện đối với Công văn 359/UBND-ĐC ngày 09/11/2017 là có căn cứ.

Đối với nội dung bà Th yêu cầu Tòa án buộc ông T1, bà M di dời cổng sắt đúng ranh giới đất của mình trả lại diện tích 56,7m² đất là đường đi chung. Tại phiên tòa ngày 21/01/2019 bà Th có ý kiến rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí: Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật, bà Th không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30; 31; 55; khoản 1 Điều 58; 164; 191; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; 194; 195 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Th về “khieu kiện Công văn chứa nội dung quyết định hành chính”

Hủy Công văn số văn 359/UBND-ĐC ngày 09/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường Q.Tr, thành phố TN.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân phường Q.Tr, thành phố TN tiếp tục giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Th liên hệ Ủy ban nhân dân phường Q.Tr thành phố TN để giải quyết vụ việc theo quy định.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân phường Q.Tr, thành phố TN, tỉnh TN phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006424 ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN.

3. Quyền kháng cáo: Người khởi kiện có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Người khởi kiện; người bị kiện
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thu Huệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn T1 Huệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Người khởi kiện; người bị kiện
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn T1 Huệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn T1 Huệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Người khởi kiện; người bị kiện
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn T1 Huệ

